

BÁO CÁO CÔNG KHAI TÀI CHÍNH
THÁNG 3 NĂM 2024

STT	Nội dung	Tồn đầu kỳ mang sang	Thu	Chi	Tồn	Ghi chú
I	Nguồn ngân sách cấp	12.060.832.909	0	594.034.006	11.466.798.903	
01	Nguồn NS cấp 12	3.087.907.076		186.901.366	2.901.005.710	
02	Nguồn NS cấp 13	4.068.524.711		341.506.585	3.727.018.126	
03	Nguồn NS cấp 14	4.904.401.122		65.626.055	4.838.775.067	
II	Thu thỏa thuận-Thu SN khác	204.002.340	531.712.662	490.508.479	245.206.523	
01	Học phí	52.871.749	101.440.000	65.178.960	89.132.789	
02	Tổ chức và QL Bán trú	4.484.132	139.779.000	143.013.597	1.249.535	
03	Phục vụ ăn sáng	4.785.112	61.140.000	65.486.564	438.548	
04	Thiết bị vật dụng bán trú	18.282.836	2.236.000	3.655.360	16.863.476	
05	Vệ sinh phí	9.750.318	17.010.000	13.751.060	13.009.258	
06	Tiền hoạt động năng khiếu	1.719.031		1.719.031	0	
07	Tiền HDNV nuôi dưỡng	88.237.600	89.350.000	65.757.500	111.830.100	
08	Lãi ngân hàng	336.308	252.162	0	588.470	
09	Anh văn	4.796.700	48.600.000	52.911.200	485.500	
10	Đàn	2.668.060	11.514.000	13.367.060	815.000	
11	Nhịp điệu	5.741.500	18.781.500	21.615.267	2.907.733	
12	Võ	4.682.334	14.107.500	14.938.800	3.851.034	
13	Vẽ	5.646.660	27.502.500	29.114.080	4.035.080	
III	Thu hộ - Chi hộ	272.110.651	622.104.800	642.529.128	251.686.323	
01	Tiền ăn bán trú	29.607.512	419.615.000	404.853.806	44.368.706	
02	Tiền ăn sáng	61.815.146	178.976.000	169.376.672	71.414.474	
03	Học phẩm	2.399.042	650.000	0	3.049.042	
04	Nước uống	4.335.662	7.893.000	6.000.000	6.228.662	
05	Bảo hiểm tai nạn học sinh	450.000	0	0	450.000	
06	Kinh phí CSSKBD học sinh	34.617.295	0	0	34.617.295	
07	Thu hộ khác (TT 16)	37.105.494	11.980.800	11.980.800	37.105.494	
08	Tiền học liệu, học cụ	99.815.500	2.990.000	50.317.850	52.487.650	
09	Khám sức khỏe ban đầu	1.965.000	0	0	1.965.000	
10	Tiền học sinh tham quan dã ngoại	0	0	0	0	
IV	Các khoản hề	330.589	0	0	330.589	
01	Tiền ăn hề	201.753	0	0	201.753	
02	Tiền ăn sáng hề	128.836	0	0	128.836	
V	Các quỹ	991.429.685	-1.872.000	10.000.000	979.557.685	
01	Quỹ khen thưởng	272.118.612	0	0	272.118.612	
02	Quỹ phúc lợi	566.156.183	0	10.000.000	556.156.183	
03	Quỹ PTHĐSNghiep	81.151.966	0	0	81.151.966	
04	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	32.834.810	0	0	32.834.810	
05	Quỹ bổ sung thu nhập	4.950.000	0	0	4.950.000	
06	Quỹ khác	22.310.000	0	0	22.310.000	
07	Quỹ tiền mặt	11.908.114	-1.872.000		10.036.114	
Tổng cộng (I+II+III+IV)		13.528.706.174	1.151.945.462	1.737.071.613	12.943.580.023	

Kế toán

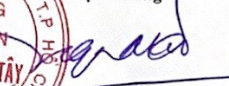


Lê Thị Hạnh



Ngày 31 tháng 03 năm 2024

Hiệu trưởng


Nguyễn Thị Hoàng Mai